

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MINH HỮU LIÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH

Chủ tịch Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Đình Thành	Chủ tịch – Đại diện pháp luật – Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2022
Ông Trần Tuấn Minh	Chủ tịch – Đại diện pháp luật – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Khuu Chí Cường	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022
Ông Khương Đức Cường	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Đăng Duy Hải	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Phạm Vĩnh Đức	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Lê Tấn Quốc	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Võ Quốc Toàn	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Ngọc Diễm	Trưởng ban – Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Ngô Việt Phương	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Trần Duy Bình	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Bà Hồ Thị Huỳnh Giao	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên – Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Khuu Chí Cường	Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022
Ông Lê Tấn Quốc	Quyền Tổng Giám đốc – Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022
Ông Vương Thành Phát	Phó Tổng Giám đốc – Miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH

Chủ tịch Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Chủ tịch chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Chủ tịch Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Chủ tịch xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Huỳnh Đình Thành

Chủ tịch – Đại diện pháp luật

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2022

Số: 853/2022/KH-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 12 năm 2022 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1



Huỳnh Thị Bích Liễu
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3902-2022-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/9/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/9/2022	Tại ngày 01/10/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.452.351.528	162.664.028.981
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.187.114.459	2.328.111.499
1. Tiền	111	4.1	2.187.114.459	2.328.111.499
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.650.058.954	39.054.656.931
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	109.520.158.033	39.093.537.164
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	13.845.545.211	363.114.886
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		56.437.442	479.925.488
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(4.772.081.732)	(881.920.607)
III. Hàng tồn kho	140		9.818.342.146	112.352.988.067
1. Hàng tồn kho	141	4.5	9.818.342.146	113.244.352.554
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(891.364.487)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.796.835.969	8.928.272.484
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	466.173.774	1.226.590.803
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	7.054.668.934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	1.330.662.195	647.012.747
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62.560.191.692	65.735.768.998
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		156.000.000	416.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		156.000.000	416.000.000
II. Tài sản cố định	220		41.303.733.083	42.876.109.125
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	41.270.690.848	42.802.879.554
Nguyên giá	222		80.619.525.903	80.633.202.042
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.348.835.055)	(37.830.322.488)
2. Tài sản cố định vô hình	227		33.042.235	73.229.571
Nguyên giá	228		530.484.000	530.484.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(497.441.765)	(457.254.429)
III. Tài sản dài hạn khác	260		21.100.458.609	22.443.659.873
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	21.100.458.609	22.443.659.873
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		195.012.543.220	228.399.797.979

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/9/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/9/2022	Tại ngày 01/10/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		135.580.726.237	191.568.897.621
I. Nợ ngắn hạn	310		109.698.402.525	169.623.002.033
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	28.261.897.134	51.888.461.641
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	425.775.562
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	4.477.924.560	3.637.314.364
4. Phải trả người lao động	314		110.516.500	649.565.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.752.201.333	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		29.962.341	930.297.689
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.10	75.065.900.657	112.091.587.777
II. Nợ dài hạn	330		25.882.323.712	21.945.895.588
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.10	25.882.323.712	21.945.895.588
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		59.431.816.983	36.830.900.358
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.11	59.431.816.983	36.830.900.358
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.309.230.000	54.309.230.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.309.230.000	54.309.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124.205.820	124.205.820
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.874.180	2.294.874.180
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.000.053.297	2.000.053.297
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.998.327.866	(19.602.588.759)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(19.602.588.759)	1.098.209.761
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.600.916.625	(20.700.798.520)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		195.012.543.220	228.399.797.979



Huỳnh Đình Thành
Chủ tịch - Đại diện pháp luật
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2022

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Quốc Việt
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	409.224.010.648	330.950.291.996
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		409.224.010.648	330.950.291.996
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	353.758.737.526	317.904.762.730
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.465.273.122	13.045.529.266
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.309.639.111	921.175.799
6. Chi phí tài chính	22	5.4	8.332.068.196	9.734.115.089
Trong đó, chi phí lãi vay	23		7.843.676.083	9.161.653.589
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	14.478.487.653	21.391.185.629
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	11.830.703.092	9.211.508.132
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.133.653.292	(26.370.103.785)
10. Thu nhập khác	31	5.7	588.260.321	6.624.364.787
11. Chi phí khác	32		120.996.988	955.059.522
12. Lợi nhuận khác	40		467.263.333	5.669.305.265
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.600.916.625	(20.700.798.520)
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.600.916.625	(20.700.798.520)
15. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.11.4	4.273	(3.914)



Huỳnh Đình Thành
Chủ tịch - Đại diện pháp luật
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2022

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

(Signature)
Huỳnh Đình Cường Việt
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.600.916.625	(20.700.798.520)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	7.333.296.567	7.447.567.860
Các khoản dự phòng	03	5.8	2.998.796.638	1.773.285.094
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(61.292.190)	18.140.954
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(143.679.871)	(4.698.123.350)
Chi phí lãi vay	06	5.4	7.843.676.083	9.161.653.589
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		40.571.713.852	(6.998.274.373)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(76.564.773.262)	11.085.107.675
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		103.426.010.408	(15.515.891.720)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(23.132.723.107)	(6.024.839.016)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.103.618.293	3.258.522.370
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.843.676.083)	(9.161.653.589)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(2.310.848.042)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.560.170.101	(25.667.876.695)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.000.000.000)	(846.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		381.981.800	4.695.454.546
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		777.546	2.668.804
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.617.240.654)	3.852.123.350

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	168.710.108.055	329.776.442.256
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(201.799.367.051)	(309.995.877.857)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.089.258.996)	19.780.564.399
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		(146.329.549)	(2.035.188.946)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.328.111.499	4.337.078.659
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		5.332.509	26.221.786
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	2.187.114.459	2.328.111.499



Huỳnh Đình Thành
Chủ tịch - Đại diện pháp luật
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2022

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Người lập

Huỳnh Đình Quốc Việt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là ngày 12 tháng 5 năm 2022 để thay đổi thông tin người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.309.230.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 41-43, Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 10 (30/9/2021: 190).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang và các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không được hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 9 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
Nhà Máy Chi Nhánh Công ty CP Minh Hữu Liên – Long An	Lô B22, Đường D2, KCN Phú An Thạnh, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm nay (dưới đây gọi tắt là "Năm nay") và kỳ kế toán năm so sánh là từ 1/10/2020 đến 30/09/2021 (dưới đây gọi tắt là "Năm trước")

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng giao dịch.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 08 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Giấy phép đầu tư số 7671307206 do Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 12 năm 2017 và thay đổi lần thứ 01 ngày 16 tháng 08 năm 2018, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới là dự án: Nhà máy chi nhánh Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên – Long An.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Bán nội địa: 10%
- Xuất khẩu: 0%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/9/2022 VND	Tại ngày 01/10/2021 VND
Tiền mặt	2.138.800.000	1.574.113.590
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.314.459	753.997.909
Cộng	2.187.114.459	2.328.111.499

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/9/2022 VND	Tại ngày 01/10/2021 VND
Công ty CP Xây Lắp và Dịch Vụ Thương Mại Sài Gòn (*)	24.635.313.471	-
Công ty TNHH TMDV Quang Nguyên (*)	50.270.674.902	-
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Thời Việt	14.143.977.744	-
YTL International Inc.	15.263.454.651	2.167.589.034
Các khách hàng khác	5.206.737.265	36.925.948.130
Cộng	109.520.158.033	39.093.537.164

(*) Tại ngày 30/9/2022, Công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng là 4 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá công nợ vẫn còn có khả năng thu hồi do mới phát sinh trong năm và đang làm việc để xúc tiến thu nợ từ khách hàng.

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2022 VND	Tại ngày 01/10/2021 VND
Công ty TNHH Phú Minh Quân	10.899.999.994	-
Công ty TNHH Walkman	1.853.922.217	-
Các nhà cung cấp khác	1.091.623.000	363.114.886
Cộng	13.845.545.211	363.114.886

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 30/9/2022 VND		Tại ngày 01/10/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán	16.811.798.002	12.039.716.270	2.113.617.682	1.231.697.075

Công ty đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu quá hạn trên là thấp vì các khoản phải thu này đã quá thời hạn trên 6 tháng nhưng Công ty vẫn chưa thu được nợ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau.

Tại ngày 30/9/2022

VND

Tại ngày 01/10/2021

VND

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phan Minh Phát	610.000.000	-	>03 năm	610.000.000	367.676.100	>02 đến 03 năm
Nguyễn Thành Phát	620.000.000	2.242.875	>02 năm	620.000.000	392.898.349	>02 đến 03 năm
Trần Minh Hoàng	520.000.000	-	>03 năm	520.000.000	331.312.200	>02 đến 03 năm
Nguyễn Hồng Phụng	234.000.000	29.702.383	>02 năm	234.000.000	90.001.587	>01 đến 03 năm
Công ty TNHH Inox Phát Thành	414.130.218	207.065.108	>01 đến 02 năm	-	-	-
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Thời Việt	14.143.977.744	11.700.784.420	>0,5 đến 01 năm	-	-	-
Các khách hàng khác	269.690.040	99.921.484	>01 năm	129.617.682	49.808.839	>01 năm
Cộng	16.811.798.002	12.039.716.270		2.113.617.682	1.231.697.075	

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/9/2022		Tại ngày 01/10/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.738.290.152	-	39.110.348.370	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	561.226.216	-	9.612.606.910	-
Thành phẩm	2.497.825.778	-	57.298.784.478	(891.364.487)
Hàng hóa	21.000.000	-	7.222.612.796	-
Cộng	9.818.342.146	-	113.244.352.554	(891.364.487)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/10/2021	39.890.000.638	35.039.313.844	4.806.519.541	897.368.019	80.633.202.042
Mua trong năm	-	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.358.949.938)	(1.289.618.182)	(365.108.019)	(6.013.676.139)
Tại ngày 30/9/2022	39.890.000.638	36.680.363.906	3.516.901.359	532.260.000	80.619.525.903
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/10/2021	11.967.000.192	21.374.629.784	3.813.099.528	675.592.984	37.830.322.488
Khấu hao trong năm	3.989.000.064	2.862.081.508	335.575.671	106.451.988	7.293.109.231
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.310.044.530)	(1.099.444.115)	(365.108.019)	(5.774.596.664)
Tại ngày 30/9/2022	15.956.000.256	19.926.666.762	3.049.231.084	416.936.953	39.348.835.055
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/10/2021	27.923.000.446	13.664.684.060	993.420.013	221.775.035	42.802.879.554
Tại ngày 30/9/2022	23.934.000.382	16.753.697.144	467.670.275	115.323.047	41.270.690.848

Giá trị còn lại cuối niên độ của TSCĐ hữu hình là 28.493.062.607 VND đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.10.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối niên độ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 11.936.608.716 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/9/2022 VND	Tại ngày 01/10/2021 VND
Ngắn hạn:		
Lương tháng 13 và thưởng	179.808.253	259.504.500
Các khoản khác	286.365.521	967.086.303
Cộng	466.173.774	1.226.590.803
Dài hạn:		
Tiền thuê đất KCN An Phú Thạnh – Xem thêm Mục 8	20.345.497.736	20.910.650.456
Công cụ dụng cụ	726.008.338	1.217.813.564
Các khoản khác	28.952.535	315.195.853
Cộng	21.100.458.609	22.443.659.873

Giá trị còn lại của tiền thuê đất trả trước tại KCN An Phú Thạnh tại ngày 30/9/2022 là 20.345.497.736 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.10 và Mục 8.

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/9/2022 VND		Tại ngày 01/10/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tập đoàn Thiên Quang	10.581.382.443	10.581.382.443	12.952.608.183	12.952.608.183
Jiashan Superpower Tools Co., Ltd	5.955.279.230	5.955.279.230	4.704.584.732	4.704.584.732
Phải trả cho các đối tượng khác	11.725.235.461	11.725.235.461	34.231.268.726	34.231.268.726
Cộng	28.261.897.134	28.261.897.134	51.888.461.641	51.888.461.641

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/9/2022		Trong niên độ		Tại ngày 01/10/2021	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT phải nộp		721.535.513	964.125.711	242.590.198	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.534.313.658	2.537.982.838	-	3.669.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp		3.209.706.836	-	-	-	3.209.706.836
Thuế thu nhập cá nhân	50.901.666	179.385.445	138.360.192	10.431.948	56.086.047	56.641.582
Các loại thuế khác	1.279.760.529	-	-	688.833.829	590.926.700	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	367.296.766	-	-	-	367.296.766
Cộng	1.330.662.195	4.477.924.560	3.636.799.561	3.479.838.813	647.012.747	3.637.314.364

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Vay

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/9/2022		Trong niên độ		Tại ngày 01/10/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	69.380.478.525	69.380.478.525	158.210.108.055	195.843.389.431	107.013.759.901	107.013.759.901
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	5.685.422.132	5.685.422.132	4.463.571.876	3.855.977.620	5.077.827.876	5.077.827.876
Cộng	75.065.900.657	75.065.900.657	162.673.679.931	199.699.367.051	112.091.587.777	112.091.587.777
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	17.482.323.712	17.482.323.712	-	4.463.571.876	21.945.895.588	21.945.895.588
Vay đối tượng khác	8.400.000.000	8.400.000.000	10.500.000.000	2.100.000.000	-	-
Cộng	25.882.323.712	25.882.323.712	10.500.000.000	6.563.571.876	21.945.895.588	21.945.895.588
Tổng cộng	100.948.224.369	100.948.224.369	173.173.679.931	206.262.938.927	134.037.483.365	134.037.483.365

Vay ngắn hạn là các khoản vay ngân hàng có thời hạn vay theo từng lần nhận nợ dưới 12 tháng, chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ (bình quân 9,5%/năm đối với các khoản vay VND và 5,2%/năm đối với các khoản vay USD) nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Các khoản vay này được thế chấp bằng tài sản của Công ty – Xem thêm mục 4.6 và được bảo lãnh bởi Ông Trần Tuấn Minh và Ông Phạm Vĩnh Đức – Xem thêm Mục 9.

Vay dài hạn bao gồm:

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với số dư nợ vay 17.482.323.712 VND có thời hạn từ 3 – 10 năm, chịu lãi suất theo thời điểm với mức lãi suất bình quân từ 9,0%/năm đến 10,5%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Xem thêm Mục 4.6 và 4.7.



CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Khoản vay đối tượng khác là khoản vay từ Ông Trần Tuấn Minh với số dư nợ vay 8.400.000.000 VND có thời hạn 3 năm và không lãi suất
– Xem thêm Mục 9.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43, Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Vốn chủ sở hữu

4.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01/10/2020	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	6.423.643.313	1.798.209.761
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(20.700.798.520)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(700.000.000)
Chi phí di dời và đầu tư trụ sở mới	-	-	-	-	(4.423.590.016)	-
Số dư tại ngày 01/10/2021	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	2.000.053.297	(19.602.588.759)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	22.600.916.625
Số dư tại ngày 30/9/2022	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	2.000.053.297	2.998.327.866
						59.431.816.983

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/9/2022 VND	Tại ngày 01/10/2021 VND
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	13.328.680.000	13.328.680.000
Ông Huỳnh Đình Thành	12.450.000.000	-
Các đối tượng khác	28.530.550.000	40.980.550.000
Cộng	54.309.230.000	54.309.230.000

4.11.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/9/2022	Tại ngày 01/10/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(142.300)	(142.300)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.288.623	5.288.623

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.11.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	22.600.916.625	(20.700.798.520)
Lãi để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	22.600.916.625	(20.700.798.520)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.288.623	5.288.623
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	4.273	(3.914)

4.12. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/9/2022	Tại ngày 01/10/2021
Ngoại tệ USD	1.505,34	7.405,83

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/9/2022 VND	Tại ngày 01/10/2021 VND
Nợ khó đòi đã xử lý – Do khách hàng không có khả năng thanh toán:		
Công ty TNHH MTV DVTM XNK Quyền Hưng	401.230.064	401.230.064
Công ty CP Đầu Tư và XDCN C007A – XN Xây Dựng Số 9	224.887.040	224.887.040
Công ty CP Thống Nhất	180.120.000	180.120.000
Các khách hàng khác	413.242.343	413.242.343
Cộng	1.219.479.447	1.219.479.447

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	210.792.496.601	101.193.849.585
Doanh thu bán thành phẩm	198.431.514.047	229.756.442.411
Cộng	409.224.010.648	330.950.291.996

Doanh thu trong năm nay tăng mạnh khoảng 24% so với năm trước, chủ yếu là tăng mạnh doanh thu từ bán hàng hóa, nguyên vật liệu thép do Công ty có thêm 05 khách hàng mới phát sinh trong năm nay và với doanh thu chiếm 42% tổng doanh thu bán hàng năm nay.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	175.416.959.764	100.842.065.487
Giá vốn của thành phẩm đã bán	178.341.777.762	217.062.697.243
Cộng	353.758.737.526	317.904.762.730

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	777.546	2.668.804
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.308.861.565	918.506.995
Cộng	1.309.639.111	921.175.799

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	7.843.676.083	9.161.653.589
Lỗ chênh lệch tỷ giá	488.392.113	572.461.500
Cộng	8.332.068.196	9.734.115.089

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.053.702.595	5.258.452.654
Chi phí dụng cụ đồ dùng	944.053.789	1.359.734.011
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.945.226	131.157.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.703.961.713	12.034.267.968
Các khoản chi phí khác	720.824.330	2.607.573.660
Cộng	14.478.487.653	21.391.185.629

Chi phí bán hàng trong năm nay giảm mạnh khoảng hơn 31% so với năm trước, chủ yếu là do giảm các khoản chi phí lương nhân viên bán hàng do số lượng nhân viên giảm mạnh; giảm chi phí thuê kho Bình Dương và Bình Chánh do không còn thuê khi từ tháng 01 năm 2022 và không phát sinh chi phí làm việc 3 tại chỗ như trong mùa dịch Covid-19 năm trước.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.095.159.577	5.897.436.244
Chi phí đồ dùng văn phòng	158.774.565	388.429.173
Chi phí khấu hao tài sản cố định	426.269.769	609.230.342
Chi phí dự phòng	3.890.161.125	881.920.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.464.679.979	781.416.805
Chi phí bằng tiền khác	795.658.077	653.074.961
Cộng	11.830.703.092	9.211.508.132

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay tăng mạnh khoảng hơn 28% so với năm trước, chủ yếu là do năm nay phát sinh tăng chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh bán thép.

5.7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	142.902.325	4.695.454.546
Thu nhập từ hỗ trợ làm khuôn mẫu	391.095.500	1.886.767.564
Thu nhập khác	54.262.496	42.142.677
Cộng	588.260.321	6.624.364.787

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hàng thương mại	175.423.663.216	100.842.065.487
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.487.361.715	183.892.208.976
Chi phí nhân công	17.086.053.612	30.206.344.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.333.296.567	7.447.567.860
Chi phí dự phòng	2.998.796.638	1.773.285.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.555.398.815	16.868.075.662
Chi phí khác bằng tiền	4.331.018.314	3.649.077.794
Cộng	316.215.588.877	344.678.625.654

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong niên độ	22.600.916.625	(20.700.798.520)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.056.013.250	2.743.025.639
Trừ: Lỗ của Chi nhánh do được kê khai riêng	-	(15.047.202.184)
Trừ: Lỗ các niên độ trước chuyển sang	(25.656.929.875)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	-	(2.910.570.697)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không có đầy đủ chứng từ theo quy định.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	168.710.108.055	329.776.442.256

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	201.799.367.051	309.995.877.857

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Trong nước
- Xuất khẩu

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	259.366	199.423	149.858	131.527	409.224	330.950
Cộng	259.366	199.423	149.858	131.527	409.224	330.950
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	37.157	9.324	18.308	3.722	55.465	13.046
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	(25.842)	(24.933)
Thu nhập tài chính	-	-	-	-	1.310	921
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(8.332)	(9.734)
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	22.601	(20.701)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế					22.601	(20.701)
Các thông tin khác						
	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	30/9 2022 Triệu đồng	01/10 2021 Triệu đồng	30/9 2022 Triệu đồng	01/10 2021 Triệu đồng	30/9 2022 Triệu đồng	01/10 2021 Triệu đồng
Tài sản của bộ phận	94.257	26.029	15.263	13.065	109.520	39.094
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	85.492	189.306
Tổng tài sản					195.013	228.400
Nợ phải trả của bộ phận	22.307	41.769	5.955	10.119	28.262	51.888
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	107.319	139.681
Tổng nợ phải trả					135.581	191.569
	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Chi phí mua sắm tài sản	6.000	846	-	-	6.000	846
Chi phí khấu hao	7.333	7.448	-	-	7.333	7.448

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì hoạt động của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh sắt thép, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê quyền sử dụng đất tại KCN Phú An Thạnh theo Hợp đồng thuê hoạt động số 06/2017/HĐTĐ/PAT-LA ngày 17 tháng 08 năm 2017. Hợp đồng thuê có thời hạn đến ngày 19 tháng 09 năm 2057, với tiền thuê được trả một lần vào thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất – Xem thêm Mục 4.7.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	30/9/2022	01/10/2021
	VND	VND
Vay dài hạn – Xem thêm Mục 4.10:		
Thành viên HĐQT	8.400.000.000	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phải trả về tiền vay:		
Thành viên HĐQT	10.500.000.000	3.015.000.000

Cam kết bảo lãnh:

Các thành viên HĐQT là Ông Trần Tuấn Minh và Ông Phạm Vĩnh Đức đã dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Xem thêm Mục 4.10.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Ông Khuu Chí Cường	Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022	323.823.000	-
Ông Lê Tấn Quốc	Quyền Tổng Giám đốc – Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022	154.940.006	335.530.000
Ông Vương Thành Phát	Phó Tổng Giám đốc – Miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2022	166.342.000	454.564.287
Cộng		<u>645.105.006</u>	<u>790.094.287</u>

Trong niên độ, Công ty không chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban kiểm soát.

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng, kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong niên độ	2.184.237.936	3.370.890.908
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động theo các thời hạn:		
	<u>Tại ngày 30/9/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/10/2021 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	165.000.000	5.790.351.818
Trên 1 năm đến 5 năm		4.862.095.455
Cộng	<u>165.000.000</u>	<u>10.652.447.273</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/9/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Huỳnh Đình Thành
Đại diện pháp luật

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2022

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Người lập

Huỳnh Đình Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Số: 01/2022/GDCK-MHL

V/v giải trình báo cáo tài chính soát xét năm 202

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- 0 0 -----

TP.HCM, ngày 29 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Về việc: Giải trình biến động chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên BCTC kiểm toán năm 2022 so với kiểm năm 2021

Kính thưa Quý Cơ quan.

Căn cứ Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (mã CK: **MHL**), trụ sở chính đặt tại 41-43 Đường D1, Khu dân cư

§ Lợi nhuận sau thuế BCTC được kiểm toán năm 2022:

22,600,916,625 đồng

§ Lợi nhuận sau thuế BCTC được kiểm toán năm 2021

(20,700,798,520) đồng

Chênh lệch:

43,301,715,145 đồng

Nguyên nhân do:

- Các khoản làm tăng lợi nhuận từ:

+ Tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

78,273,718,652 đồng

+ Tăng doanh thu hoạt động tài chính

388,463,312 đồng

+ Giảm chi phí hoạt động tài chính

1,402,046,893 đồng

+ Giảm chi phí bán hàng

6,912,697,976 đồng

+ Giảm chi phí khác

643,963,437 đồng

Tổng cộng:

87,620,890,270 đồng (1)

- Các khoản làm giảm lợi nhuận từ:

+ Tăng giá vốn hàng bán

35,853,974,796 đồng

+ Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp

2,619,194,960 đồng

+ Giảm thu nhập khác

5,846,005,369

Tổng cộng:

44,319,175,125 đồng

(1) – (2)

43,301,715,145 đồng (2)

Trên đây là giải trình của Công ty chúng tôi về biến động chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên BCTC soát xét năm 2022 so với soát năm 2021

Trân trọng,

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên
ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

HUỲNH ĐÌNH THÀNH

